

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/HS-ST

Ngày: 18/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

Bà Lê Thị Hoàng Diễm- GV hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Thư- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2026/TLST-HS ngày 19/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-HS ngày 05/6/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Hải A, tên gọi khác không; sinh ngày 29/11/1994 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số 16a, khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số 083094006004; trình độ văn hóa 5/12; nghề nghiệp: không; dân tộc Kinh; giới tính N; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị C; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt Nguyễn Văn Hải A 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự (chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung). Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Nguyễn Văn Hải A 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự (chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2025).

Tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 03/3/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị xã B về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trường G đối với Nguyễn Văn Hải A thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 01/02/2010). Quyết định số 1587/QĐ-UB-NC ngày 08/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trường G đối với

Nguyễn Văn Hải Á thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 10/6/2012). Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2013/HSST ngày 07/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Nguyễn Văn Hải Á 02 năm tù về Tội trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình Bản án ngày 24/10/2014). Bản án Hình sự sơ thẩm Số 57/2015/HSST ngày 02/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Vĩnh Long) xử phạt Nguyễn Văn Hải Á 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2016/HSST ngày 05/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long) xử phạt Nguyễn Văn Hải Á 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với thời giam chấp hành hình phạt còn lại 03 tháng 22 ngày của Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2015/HSST ngày 02/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Vĩnh Long), buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 năm 03 tháng 22 ngày tù (chấp hành xong Bản án ngày 25/01/2017).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2026 cho đến nay. Có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972; nơi cư trú: số A, khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị C, sinh năm 1977; nơi cư trú: số A, khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Người bào chữa của bị cáo: Luật sư Trần Thị Cẩm T thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thị Cẩm T – Đoàn Luật sư tỉnh V. Vắng mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 13/6/2009; nơi cư trú: số B, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

1. Ngô Thị Lưu Thủy T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: số B, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn Lâm A, sinh năm 1983; nơi cư trú: số B, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 20 phút, ngày 05/02/2026, Nguyễn Văn Hải Á đi bộ từ nhà đến xã G, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi đến khu vực ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Văn Hải Á phát hiện nhà của chị Ngô Thị Lưu Thủy T1 có hàng rào bằng lưới B40 bên trong cửa chính không khóa nên nảy sinh ý định vào trong lấy trộm tài sản. Âu leo rào vào trong nhà, vào phòng ngủ thứ nhất (không khóa) của em Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 10/5/2009 (là con của chị T1) Á mở bóp lấy trộm số

tiền 342.000 đồng, A lấy 142.000 đồng bỏ vào túi quần phía trước, bên trái và 200.000 đồng bỏ vào túi áo bên phải. Sau đó, A vào phòng ngủ thứ hai của chị Ngô Thị Lưu Thủy T1 đang ngủ để tiếp tục tìm tài sản lấy trộm thì bị chị T1 phát hiện, truy hô nên A bỏ chạy và leo rào tẩu thoát thì bị anh Nguyễn Văn Lâm A (chồng của chị T1) cùng người dân và Công an xã G truy đuổi và bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam đồng: 142.000 đồng, gồm: 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu xám.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu Số 157/2026/KLGD ngày 14/4/2026 của Trung tâm P - Bộ Y kết luận:

Kết luận theo tiêu chuẩn y học: căn cứ tiêu chuẩn chẩn đoán của Tổ chức Y tế Thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10); căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y ban hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần, các Giám định viên tham gia giám định xác định đối tượng giám định Nguyễn Văn Hải A trước, trong, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hiện tại có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách thực tổn (F07.0 – ICD10), biến đổi nhân cách mức độ vừa + Động kinh (G40 - ICD10).

Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, căn cứ Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Căn cứ vào khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của đối tượng giám định trong từng thời điểm, đặc biệt tại thời điểm xảy ra vụ việc, các Giám định viên tham gia giám định thảo luận và xác định đối tượng giám định có tình trạng nhận thức, điều khiển hành vi sau đây: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hiện tại Nguyễn Văn Hải A hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách thực tổn (F07.0 – ICD10), biến đổi nhân cách mức độ vừa.

Ngày 23/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thúy H1 số tiền 142.000 đồng, bị hại không yêu cầu H bồi thường số tiền 200.000 đồng bị mất, không thu hồi được.

Đối với 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu xám là tài sản của Nguyễn Văn Hải A, A không yêu cầu nhận lại, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Hải A đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKSKV5 ngày 19/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo trình bày: Khoảng 00 giờ 20 phút, ngày 05/02/2026 bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút vào nhà của bà Ngô Thị Lưu Thủy T1 chiếm đoạt số tài sản là 342.000 đồng của

chị Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 10/5/2009 ở ấp L, xã G thì bị phát hiện truy hô mọi người vây bắt bị cáo. Mục đích trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Hiện nay Công an còn thu giữ của bị cáo một đôi dép, bị cáo không yêu cầu nhận lại. Đối với người bào chữa cho bị cáo vắng mặt bị cáo đồng ý xét xử, không có khiếu nại các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị C trình bày: bà là mẹ của bị cáo, việc vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa bà đồng ý xét xử không khiếu nại gì về việc này. Bà thừa nhận bị cáo trình bày tại phiên tòa là tự nguyện không ai ép buộc, bị cáo có tiền sử bệnh động kinh có lúc thần kinh căng thẳng không nghe theo lời khuyên của bà, tính khí thay đổi bất thường đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu luận tội giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị xử lý:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thúy H1 số tiền 142.000 đồng, bị hại không yêu cầu H bồi thường số tiền 200.000 đồng bị mất, không thu hồi được.

Đối với 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu xám là tài sản của Nguyễn Văn Hải A, A không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt; người bào chữa của bị cáo vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử và bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 291; Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 00 giờ 20 phút, ngày 05/02/2026 tại ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Văn Hải A có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 10/5/2009 số tiền 342.000 đồng. Bị cáo đã hai lần bị kết án về Tội trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích. Bị cáo mặc dù bị hạn chế năng lực hành vi nhưng vẫn nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Với ý thức, hành vi và hậu quả đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nơi bị cáo phạm tội đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, có 05 lần bị kết án trong đó có 02 lần chưa được xoá án tích và nhiều lần bị xử phạt hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là: “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”, “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và bị cáo có ông ngoại là Liệt sĩ nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thúy H1 số tiền 142.000 đồng, bị hại không yêu cầu H bồi thường số tiền 200.000 đồng bị mất, không thu hồi được.

Đối với 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu xám là tài sản của Nguyễn Văn Hải A, không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo là người bị khuyết tật nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Hải Á phạm Tội trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2026.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu xám là tài sản của Nguyễn Văn Hải Á.

(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2026).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND P. Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình